

Số: 57 /2014/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 22 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/03/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định Pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định Pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2014/NQ-HĐND8 ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 730/TTr-STNMT ngày 19/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)		
			Hộ gia đình, cá nhân		Tổ chức
			Phường	Xã, thị trấn	
I	Cấp Giấy chứng nhận mới				
1	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	Giấy	25.000	12.000	100.000
2	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Giấy	100.000	50.000	500.000
II	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận				
1	Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	Lần/ Giấy	20.000	10.000	50.000
2	Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Lần/ Giấy	50.000	25.000	
III	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	Lần	28.000	14.000	30.000

Điều 2. Đối tượng thu và miễn thu lệ phí

1. Đối tượng thu lệ phí

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được uỷ quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) phải nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

2. Đối tượng miễn thu lệ phí

- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận.

- Miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu ở nông thôn và có đất ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

Điều 3. Tổ chức thu, nộp, quản lý sử dụng tiền lệ phí

1. Trách nhiệm của cơ quan thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và chứng đăng ký biến động về đất đai: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường; bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện có nhiệm vụ thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

2. Cơ quan có nhiệm vụ thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và chứng nhận đăng ký biến động về đất đai theo quy định phải thông báo hoặc niêm yết công khai mức thu tại trụ sở nơi thu lệ phí. Khi thu phải cấp biên lai thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

Điều 4. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận là khoản thu ngân sách Nhà nước. Cơ quan trực tiếp thu lệ phí được trích lại 80% để trang trải chi phí cho công tác cấp Giấy chứng nhận và tổ chức thu lệ phí như sau:

1. Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);



2. Chi phí phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí... theo tiêu chuẩn định mức hiện hành;

3. Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí; khấu hao tài sản cố định để thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí;

4. Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí;

5. Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu lệ phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và tối đa bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước, sau khi bảo đảm các chi phí quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Trường hợp thu lệ phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quyết định này thì:

- Trường hợp bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thu lệ phí thì số tiền thu được chuyển toàn bộ vào cuối mỗi ngày cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh để trang trải chi phí cho công tác cấp Giấy chứng nhận.

- Trường hợp bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện thu lệ phí thì số tiền thu được chuyển toàn bộ vào cuối mỗi tuần cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện để trang trải chi phí cho công tác cấp Giấy chứng nhận.

Tổng số tiền lệ phí thu được sau khi trừ số tiền được trích lại theo tỷ lệ nêu trên, số còn lại (20%) cơ quan thu nộp vào Ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Hàng năm, tổ chức thu lệ phí có trách nhiệm lập dự toán thu, chi gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành và thực hiện quyết toán chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền lệ phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau tiếp tục chi theo chế độ quy định.

Đối với tổ chức thu lệ phí là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, thì tổ chức trực tiếp thu lệ phí được trích lại 80% là nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Sau khi trang trải chi phí cho công tác cấp Giấy chứng nhận và tổ chức thu lệ phí, số thu lệ phí còn lại (nếu có) bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và thực hiện phân phối, sử dụng theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: TNMT, Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT TQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Website tỉnh Bình Dương;
- LĐVP, Lâm. HCTC, TH, Hùng (HC);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trần Văn Nam